

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 18-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Em.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1969 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn D, sinh năm: 1971 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*) và bà Võ Thị H, sinh năm: 1971 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị M, sinh năm: 1963 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-3-2023, bản tự khai ngày 01-12-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày: Vào ngày 19-6-2022 ăl, vợ chồng ông Hồ Văn D, bà Võ Thị H có đến nhà ông hỏi vay của ông số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Hẹn trong thời hạn 07 ngày sau khi đáo hạn nợ Ngân hàng, vay lại tiền của Ngân hàng thì sẽ trả tiền vay lại cho ông.

Ông D, bà H có làm biên nhận nợ, do ông D viết và bà H ký tên ghi họ tên, nhưng khi viết thì ông D ghi nhầm năm 2022 thành năm 2002 và không ghi năm âm lịch. Tại thời điểm vay, ông D, bà H giao cho ông một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 (Thửa số 62, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.765,3m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long) do bà Võ Thị M là chị ruột bà H đứng tên, giấy được cấp ngày 02-10-2013, để làm tin. Sau khi vay, bà H, ông D không trả tiền như thời hạn đã hứa. Nên ông có đến nhà gặp họ để đòi tiền nhiều lần mà bà H, ông D vẫn không chịu trả. Nên ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông D trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; Khi nào ông D, bà H thanh toán hết số nợ thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 cho ông D, bà H, bà M. Ông đã nộp cho Tòa án bản gốc tờ Biên nhận ngày 19-6-2002. Ngoài ra, ông không nộp thêm chứng cứ gì khác, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-11-2023, bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà xác nhận có hỏi vay tiền của ông Trần Thanh L là 200.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Đến nay lâu quá bà không nhớ ngày tháng năm vay. Bà nhận tiền vay một lần tại nhà ông L, lãi suất thỏa thuận tính cứ 1.000.000 đồng tiền gốc thì đóng lãi 5.000 đồng/ngày, không nhớ thỏa thuận thời hạn khi nào trả. Có viết biên nhận nợ và bà có ký tên, ghi họ tên, giao bản gốc biên nhận nợ cho ông L cất giữ. Khi vay, bà có cầm cố cho ông L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 của bà Võ Thị M là chị ruột của bà gửi giấy này cho bà cất giữ dùm; Việc bà lấy giấy này đem thế chấp cho ông L thì bà M không hay biết. Sau khi vay đến nay bà chưa trả gốc cũng chưa đóng lãi gì cho ông L. Nay ông L kiện đòi bà với chồng là ông Hồ Văn D trả lại số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng thì bà tự nguyện một mình trả nợ, nhưng xin trả dần dần, vì hiện nay chưa có khả năng trả; Sau khi bà trả đủ tiền thì ông L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-5-2024, bị đơn ông Hồ Văn D trình bày: Ông xác nhận có cùng vợ là bà Võ Thị H đến nhà ông Trần Thanh L để vay số tiền 200.000.000 đồng trả nợ Ngân hàng. Bà H trực tiếp nhận tiền vay một lần do ông L đưa, không nhớ lãi suất thỏa thuận bao nhiêu và thời hạn trả khi nào. Ông có viết biên nhận nợ và bà H có ký tên, ghi họ tên, giao bản gốc biên nhận nợ cho ông L cất giữ. Ngay khi vay tiền, bà H có đưa cho ông L một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 của bà Võ Thị M để làm tin. Ông không biết giữa bà H với bà M có thỏa thuận lợi ích gì về việc bà M giao giấy cho bà H đem cầm cố hay không. Sau khi vay đến nay do hoàn cảnh gia đình quá nhiều khó khăn, nên ông và bà H chưa trả được nợ gốc cũng không đóng tiền lãi cho ông L. Nay ông L kiện đòi ông với bà H cùng trả số tiền nợ 200.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả, nhưng xin trả dần

dần; Đồng ý sau khi ông và bà H trả đủ tiền thì ông L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-5-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị M trình bày: Bà là chị ruột của bà Võ Thị H. Bà không có chồng con, chỉ sống một mình. Bà được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất do cha mẹ chết để lại thửa số 62, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.765,3m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 cấp ngày 02-10-2013. Vì bà thường xuyên đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, ít khi ở địa phương, nên bà H kêu bà giao lại giấy này cho bà H cất giữ và bà đồng ý. Việc bà H lấy giấy này để cầm cố vay tiền của ông Trần Thanh L là bà hoàn toàn không biết, không hưởng lợi ích gì. Bà H, ông D có trách nhiệm trả số tiền nợ 200.000.000 đồng đã vay cho ông L, chứ bà không liên quan. Bà đồng ý khi bà H, ông D trả hết nợ, thì ông L sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 cho bà.

Ông D, bà H, bà M thống nhất với các chứng cứ mà ông L đã nộp và được Tòa án công khai cho các ông bà biết. Các ông bà không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Bà H, ông D không yêu cầu phản tố; Bà M không yêu cầu độc lập trong cùng vụ án. Các ông bà không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh L; Buộc bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D trả cho ông L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; Trường hợp bà H, ông D chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự nguyện của ông L về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 khi ông D, bà H trả hết

tiền nợ cho ông L. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Thanh L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D trả số tiền đã vay còn nợ. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với bà H, ông D có địa chỉ cư trú tại ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông Trần Thanh L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D trả nợ tiền vay; Ông D, bà H xác nhận nợ vay và khi vay có cầm cố bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 của bà Võ Thị M. Nên xác định ông L là nguyên đơn, bà H và ông D là bị đơn, bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Thanh L, bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D, bà Võ Thị M đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng các đương sự cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[4] *Về nội dung khởi kiện:* Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Giữa nguyên đơn ông Trần Thanh L và bị đơn bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D cùng thống nhất xác định có việc ông L cho bà H, ông D vay tiền 200.000.000 đồng là sự thật. Nay ông L yêu cầu bà H, ông D phải trả tiền nợ; Bị đơn bà H, ông D đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông L đã cung cấp cho Tòa án bản gốc tờ Biên nhận ngày 19-6-2002 có chữ viết của ông D, chữ ký tên, ghi họ tên của bà H. Mặc dù về năm được ghi nhận trên biên nhận chưa phù hợp với thực tế năm giao dịch vay tiền là năm 2022 âm lịch, nhưng tại biên bản lấy lời khai của bà H ngày 24-11-2023 và tại biên bản lấy lời khai của ông D ngày 31-5-2024, bà H, ông D thừa nhận tờ Biên nhận này, thừa nhận có nợ tiền vay của ông L gốc là 200.000.000 đồng; Tại thời điểm vay, để làm tin, bà H còn giao cho ông L quản lý một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 cấp năm 2013; Ông D, bà H không nộp chứng

cứ gì để phản bác ý kiến, yêu cầu của ông L. Riêng bà H có ý kiến tự nguyện trả toàn bộ số nợ cho ông L, nhưng do giao dịch dân sự vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông D, ông D đã có lời khai thừa nhận nợ, thống nhất cùng bà H trả nợ cho ông L, nên ý kiến của bà H không được chấp nhận. Xét việc bị đơn bà H, ông D chưa trả khoản tiền đã vay, nên nguyên đơn ông L yêu cầu bà H, ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà H, ông D xin trả dần số tiền nợ, nhưng ông L không ý kiến đồng ý. Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn, khi nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[5] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh L; Buộc bà Võ Thị H và ông Hồ Văn D có nghĩa vụ phải trả lại cho ông L số tiền gốc đã vay còn nợ là 200.000.000 đồng.

[6] Ông L, bà H, ông D, bà M cùng thống nhất: Sau khi bà H, ông D trả hết nợ cho ông L thì ông L tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 đối với thửa số 62, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.765,3m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, do bà M đứng tên quyền sử dụng đất. Thỏa thuận này giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp luật định, nên cần ghi nhận. Nhưng do đây là giấy tờ thuộc quyền sở hữu cá nhân của bà M, nên cần ghi nhận ông L trả lại giấy này là trả cho bà M.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của ông Trần Thanh L được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho ông L.

[8] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh L.

Buộc bị đơn bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D phải trả cho nguyên đơn ông Trần Thanh L số tiền gốc đã vay còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Thanh L về việc giao trả lại cho bà Võ Thị M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 934681 đối với thửa số 62, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.765,3m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 02-10-2013 cho bà M đứng tên, sau khi ông Hồ Văn D, bà Võ Thị H trả hết nợ cho ông L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị H, ông Hồ Văn D phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh L 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0019636 ngày 15 tháng 11 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo